

**BẢN ĐÁNH GIÁ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
TRONG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT BAN HÀNH QUY ĐỊNH
TIÊU CHÍ, ĐIỀU KIỆN, TRÌNH TỰ, THỦ TỤC, NỘI DUNG VÀ MỨC
HỖ TRỢ TỪ NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG CHO PHÁT TRIỂN NHÂN
LỰC CÔNG NGHIỆP CÔNG NGHỆ SỐ LÀM VIỆC TẠI CÁC DỰ ÁN
NGHIÊN CỨU, SẢN XUẤT SẢN PHẨM CÔNG NGHỆ SỐ TRỌNG ĐIỂM,
CHIP BÁN DẪN, HỆ THỐNG TRÍ TUỆ NHÂN TẠO TRÊN ĐỊA BÀN
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

(Kèm theo Tờ trình số /TTr-SKHCN ngày tháng năm 2026 của Sở
Khoa học và Công nghệ)

Thực hiện quy định Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025 (sửa đổi, bổ sung bởi Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025), Sở Khoa học và Công nghệ đã tiến hành đánh giá thủ tục hành chính trong dự thảo Nghị quyết ban hành Quy định tiêu chí, điều kiện, trình tự, thủ tục, nội dung và mức hỗ trợ từ ngân sách địa phương cho phát triển nhân lực công nghiệp công nghệ số làm việc tại các dự án nghiên cứu, sản xuất sản phẩm công nghệ số trọng điểm, chip bán dẫn, hệ thống trí tuệ nhân tạo trên địa bàn thành phố Cần Thơ. Kết quả như sau:

I. TỔ CHỨC THỰC HIỆN ĐÁNH GIÁ

1. Bối cảnh xây dựng dự thảo Nghị quyết

- Thực hiện Quyết định số 1018/QĐ-TTg ngày 21 tháng 9 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển công nghiệp bán dẫn Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 và Luật Công nghiệp công nghệ số năm 2025, trong đó giao Hội đồng nhân dân cấp tỉnh bố trí ngân sách địa phương, quy định tiêu chí, điều kiện, trình tự, thủ tục, nội dung và mức hỗ trợ phát triển nhân lực công nghiệp công nghệ số làm việc tại các dự án nghiên cứu, sản xuất sản phẩm công nghệ số trọng điểm, chip bán dẫn, hệ thống trí tuệ nhân tạo như sau:

+ Hỗ trợ một phần chi phí thuê nhân lực công nghiệp công nghệ số chất lượng cao;

+ Hỗ trợ một phần chi phí đào tạo, đào tạo lại, bồi dưỡng nâng cao chất lượng nguồn nhân lực của doanh nghiệp.

- Thành phố Cần Thơ, với vị thế là trung tâm khoa học và công nghệ của

vùng Đồng bằng sông Cửu Long, có nhu cầu hình thành hệ sinh thái công nghiệp công nghệ số và công nghiệp bán dẫn, thúc đẩy các hoạt động thiết kế chip, sản xuất sản phẩm phụ trợ, thiết bị điện tử. Ngoài ra, thành phố đã và đang xây dựng các chính sách có liên quan đến doanh nghiệp thực hiện trong lĩnh vực công nghiệp công nghệ số, cụ thể: Hội đồng nhân dân thành phố đã ban hành Nghị quyết quy định tiêu chí, điều kiện, trình tự, thủ tục, nội dung và mức hỗ trợ từ ngân sách địa phương đối với các dự án sản xuất sản phẩm công nghệ số trọng điểm; dự án nghiên cứu và phát triển, thiết kế, sản xuất, đóng gói, kiểm thử sản phẩm chip bán dẫn; dự án xây dựng trung tâm dữ liệu trí tuệ nhân tạo và dự án khởi nghiệp sáng tạo trong công nghiệp công nghệ số trên địa bàn thành phố Cần Thơ, ngoài ra thành phố đang xem xét việc ban hành Nghị quyết quy định tiêu chí, điều kiện, trình tự, thủ tục, nội dung và mức hỗ trợ từ ngân sách địa phương cho dự án thiết kế chip bán dẫn; dự án sản xuất sản phẩm phụ trợ trực tiếp trong công nghiệp bán dẫn và dự án sản xuất thiết bị điện tử trên địa bàn thành phố Cần Thơ.

- Ngày 05 tháng 02 năm 2026, Ủy ban nhân dân thành phố có Tờ trình số 86/TTr-UBND đăng ký xây dựng Nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố quy định tiêu chí, điều kiện, trình tự, thủ tục, nội dung và mức hỗ trợ từ ngân sách địa phương cho phát triển nhân lực công nghiệp công nghệ số làm việc tại các dự án nghiên cứu, sản xuất sản phẩm công nghệ số trọng điểm, chip bán dẫn, hệ thống trí tuệ nhân tạo trên địa bàn thành phố Cần Thơ và được Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố chấp thuận đăng ký xây dựng Nghị quyết tại Nghị quyết số 229/NQ-TT ngày 16 tháng 4 năm 2026.

Trên cơ sở đó, ngày 20 tháng 4 năm 2026 Ủy ban nhân dân thành phố giao Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì xây dựng dự thảo Tờ trình và dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố ban hành quy định tiêu chí, điều kiện, trình tự, thủ tục, nội dung và mức hỗ trợ từ ngân sách địa phương cho phát triển nhân lực công nghiệp công nghệ số làm việc tại các dự án nghiên cứu, sản xuất sản phẩm công nghệ số trọng điểm, chip bán dẫn, hệ thống trí tuệ nhân tạo trên địa bàn thành phố Cần Thơ tại Công văn số 1964/UBND-KGVX.

Để có cơ sở pháp lý triển khai các chính sách hỗ trợ nêu trên, Sở Khoa học và Công nghệ đã tham mưu cho Ủy ban nhân dân thành phố xây dựng dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố quy định nội dung được giao tại điểm b khoản 5 Điều 18 Luật Công nghiệp công nghệ số số 71/2025/QH15.

2. Mục đích, yêu cầu đánh giá

- Xác định cụ thể các thủ tục hành chính phát sinh trong quá trình thực hiện Nghị quyết.

- Đánh giá sự cần thiết, tính hợp lý, tính hợp pháp, chi phí tuân thủ của các thủ tục hành chính được quy định trong dự thảo.

- Bảo đảm thủ tục hành chính được thiết kế đơn giản, minh bạch, khả thi, tránh phát sinh gánh nặng hành chính không cần thiết.

- Làm căn cứ hoàn thiện dự thảo Nghị quyết trước khi trình Hội đồng nhân dân thành phố thông qua.

II. KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

1. Dự thảo Nghị quyết chỉ phát sinh 02 thủ tục hành chính mới, không sửa đổi hoặc bãi bỏ thủ tục hành chính hiện hành. Cụ thể:

STT	Tên thủ tục hành chính	Tính chất	Cơ quan tiếp nhận, giải quyết	Ghi chú
1	Hỗ trợ một phần chi phí thuê nhân lực công nghiệp công nghệ số chất lượng cao cho các dự án nghiên cứu, sản xuất sản phẩm công nghệ số trọng điểm, chip bán dẫn, hệ thống trí tuệ nhân tạo	Ban hành mới	Sở Khoa học và Công nghệ	Thủ tục phát sinh mới theo Luật Công nghiệp công nghệ số
2	Hỗ trợ một phần chi phí đào tạo, đào tạo lại, bồi dưỡng nâng cao chất lượng nguồn nhân lực của doanh nghiệp cho các dự án nghiên cứu, sản xuất sản phẩm công nghệ số trọng điểm, chip bán dẫn, hệ thống trí tuệ nhân tạo	Ban hành mới	- Sở Khoa học và Công nghệ	Thủ tục phát sinh mới theo Luật Công nghiệp công nghệ số

Không có thủ tục hành chính bị sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ hoặc giữ nguyên.

2. Đánh giá sự cần thiết, tính hợp lý, tính hợp pháp và chi phí tuân thủ thủ tục hành chính trong dự thảo văn bản quy phạm pháp luật.

a) Sự cần thiết: Việc ban hành thủ tục hành chính nêu trên là cần thiết nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho cá nhân, doanh nghiệp trên địa bàn thành phố Cần Thơ dễ dàng tiếp cận, thực hiện và thụ hưởng các chính sách theo Nghị quyết; góp phần nâng cao hiệu quả triển khai chính sách trong thực tiễn.

b) Tính hợp lý, hợp pháp: Việc quy định các thủ tục hành chính là phù hợp với quy định tại khoản 5 Điều 18 Luật Công nghiệp công nghệ số, Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và các quy định pháp luật có liên quan.

Kèm theo 02 biểu mẫu đánh giá tác động của thủ tục hành chính dự kiến ban hành mới.

c) Chi phí tuân thủ thủ tục hành chính để triển khai Nghị quyết: 1.882.440 đồng/năm, cụ thể:

- Thủ tục hỗ trợ một phần chi phí thuê nhân lực công nghiệp công nghệ số chất lượng cao: Dự kiến tổng chi phí thực hiện/01 năm là 995.004 đồng.

- Thủ tục hỗ trợ một phần chi phí đào tạo, đào tạo lại, bồi dưỡng nâng cao chất lượng nguồn nhân lực của doanh nghiệp: Dự kiến tổng chi phí thực hiện/01 năm là 887.436 đồng.

(Đính kèm: Biểu mẫu đánh giá tác động của thủ tục hành chính dự kiến ban hành mới trong dự thảo văn bản; Biểu mẫu đánh giá chi phí tuân thủ thủ tục hành chính trong dự thảo văn bản)

3. Quy định thẩm quyền thực hiện

a) Sự cần thiết của việc quy định thẩm quyền:

Việc quy định Sở Khoa học và Công nghệ thành phố Cần Thơ thực hiện thẩm định, giải quyết và quyết định hỗ trợ đối với các hồ sơ có mức kinh phí dưới 01 tỷ đồng là phù hợp, góp phần rút ngắn thời gian xử lý, bảo đảm giải quyết kịp thời nhu cầu của doanh nghiệp.

b) Điều kiện bảo đảm để quy định thẩm quyền:

Sở Khoa học và Công nghệ có đầy đủ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định; đội ngũ cán bộ, công chức có trình độ chuyên môn phù hợp, được đào tạo, bồi dưỡng đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ.

Bên cạnh đó, Nghị quyết quy định Sở Khoa học và Công nghệ thành lập Hội đồng thẩm định với sự tham gia của đại diện các cơ quan quản lý, chuyên gia, nhà khoa học có liên quan đến các dự án nghiên cứu, sản xuất sản phẩm công nghệ số trọng điểm, chip bán dẫn, hệ thống trí tuệ nhân tạo, nhằm tư vấn cho

Giám đốc Sở xem xét, quyết định hỗ trợ; đồng thời bảo đảm công tác kiểm tra, giám sát sau khi thực hiện phân cấp, phân quyền.

4. Việc ứng dụng, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

Nghị quyết quy định các tiêu chí đối với dự án nghiên cứu, sản xuất sản phẩm công nghệ số trọng điểm, chip bán dẫn, hệ thống trí tuệ nhân tạo trên địa bàn thành phố Cần Thơ, bao gồm: phù hợp với quy hoạch, định hướng phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số của thành phố; áp dụng các giải pháp thân thiện môi trường, tiết kiệm năng lượng; phù hợp với khả năng đáp ứng hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội; tuân thủ các quy định pháp luật có liên quan; sản xuất sản phẩm thuộc danh mục sản phẩm, dịch vụ công nghệ số trọng điểm theo quy định.

Đối với trường hợp hỗ trợ một phần chi phí thuê nhân lực công nghiệp công nghệ số chất lượng cao, ngoài các tiêu chí nêu trên còn phải đáp ứng các tiêu chí theo quy định tại các điều tương ứng của Nghị định số 353/2025/NĐ-CP.

Các quy định trong dự thảo tạo điều kiện thuận lợi cho việc thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên địa bàn thành phố Cần Thơ; phù hợp với tinh thần Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị và các chương trình, kế hoạch triển khai của Thành ủy, Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ. Qua đó góp phần thu hút nguồn nhân lực công nghệ số chất lượng cao, thu hút đầu tư các dự án công nghệ cao, từng bước xây dựng thành phố Cần Thơ trở thành trung tâm khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của vùng Đồng bằng sông Cửu Long.

**BIỂU MẪU ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
DỰ KIẾN BAN HÀNH MỚI TRONG DỰ THẢO VĂN BẢN**

Tên dự thảo văn bản: Dự thảo Nghị quyết ban hành Quy định tiêu chí, điều kiện, trình tự, thủ tục, nội dung và mức hỗ trợ từ ngân sách địa phương cho phát triển nhân lực công nghiệp công nghệ số làm việc tại các dự án nghiên cứu, sản xuất sản phẩm công nghệ số trọng điểm, chip bán dẫn, hệ thống trí tuệ nhân tạo trên địa bàn thành phố Cần Thơ.

THỦ TỤC HÀNH CHÍNH 1: Hỗ trợ một phần chi phí thuê nhân lực công nghiệp công nghệ số chất lượng cao cho các dự án nghiên cứu, sản xuất sản phẩm công nghệ số trọng điểm, chip bán dẫn, hệ thống trí tuệ nhân tạo.

I. SỰ CẦN THIẾT CỦA QUY ĐỊNH VỀ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TẠI DỰ THẢO VĂN BẢN	
1. Nội dung cụ thể trong ngành, lĩnh vực mà Nhà nước cần quản lý hoặc các biện pháp phát triển kinh tế - xã hội, ngân sách, quốc phòng, an ninh?	a) Nội dung cụ thể trong ngành, lĩnh vực mà Nhà nước cần quản lý hoặc nội dung cụ thể của các biện pháp để thực hiện chính sách phát triển kinh tế - xã hội, ngân sách, quốc phòng, an ninh trên phạm vi toàn quốc hoặc các biện pháp để thực hiện chính sách phát triển kinh tế - xã hội, ngân sách, quốc phòng, an ninh ở địa phương hoặc các biện pháp nhằm phát triển kinh tế - xã hội, ngân sách, quốc phòng, an ninh ở địa phương hoặc các biện pháp khác có tính chất đặc thù phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương hoặc các biện pháp để thực hiện thí điểm một số chính sách mới thuộc thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 10, điểm c khoản 2 Điều 14, điểm d khoản 1 Điều 21 Luật Ban hành văn bản quy phạm

	pháp luật số 64/2025/QH15 (được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15): Hỗ trợ một phần chi phí thuê nhân lực công nghiệp công nghệ số chất lượng cao làm việc tại các dự án nghiên cứu, sản xuất sản phẩm công nghệ số trọng điểm, chip bán dẫn, hệ thống trí tuệ nhân tạo trên địa bàn thành phố Cần Thơ b) Nêu rõ lý do Nhà nước cần quy định: Do đó HĐND thành phố bổ sung TTHC để quy định trình tự, thủ tục đối với nội dung này.
2. Nội dung quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp cụ thể của cá nhân, tổ chức cần được bảo đảm?	a) Nội dung quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp cụ thể của cá nhân, tổ chức cần được bảo đảm: Chi phí chi cho nhân lực công nghiệp công nghệ số chất lượng cao đạt điều kiện quy định của Nghị quyết được bảo đảm. b) Nêu rõ lý do Nhà nước cần quy định: Cần quy định TTHC để chuyên gia nắm rõ quy trình, thủ tục, thời gian thực hiện để hưởng quyền lợi.
3. Lý do lựa chọn biện pháp quy định thủ tục hành chính?	a) Lý do quy định thủ tục hành chính: Quy định TTHC để đối tượng thụ hưởng biết rõ thành phần hồ sơ cần nộp và nơi nộp hồ sơ. b) Nêu rõ điều, khoản quy định thủ tục hành chính tại dự thảo văn bản: Quy định tại Điều 7 của Quy định.
4. Có biện pháp nào khác có thể sử dụng mà không phải bằng quy định thủ tục hành chính không?	Có ☐ Không ☐ Nếu Không, nêu rõ lý do: Quy định của Luật công nghiệp công nghệ số quy định HĐND cấp tỉnh ban hành.

II. ĐÁNH GIÁ TÍNH HỢP HIẾN, HỢP PHÁP CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

1. Có phù hợp với Hiến pháp không?	Có ☐ Không ☐ Nêu rõ lý do: Được Luật Công nghiệp công nghệ số 71/2025/QH15 giao quy định (điểm b khoản 5 Điều 18).
2. Có mâu thuẫn, chồng chéo hoặc không phù hợp, thống nhất với quy định tại các văn bản khác, điều ước quốc tế có liên quan mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên không?	- Với văn bản của cơ quan nhà nước cấp trên: Có ☐ Không ☒
	- Với văn bản của cơ quan khác: Có ☐ Không ☒ - Với điều ước quốc tế có liên quan mà nước CHXHCN Việt Nam là thành viên: Có ☐ Không ☒

III. ĐÁNH GIÁ TÍNH HỢP LÝ CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

1. Tên thủ tục hành chính

Có được quy định rõ ràng, cụ thể và phù hợp	Có ☒ Không ☐ Nêu rõ lý do:
---	--

không?	Việc quy định như trên bảo đảm tính minh bạch, dễ hiểu, thuận lợi cho doanh nghiệp trong quá trình thực hiện, đồng thời phù hợp với yêu cầu quản lý, định hướng phát triển công nghiệp công nghệ cao và chuyển đổi số của địa phương.
2. Trình tự thực hiện	
a) Có được quy định rõ ràng và cụ thể về các bước thực hiện không?	Có ☐ Không ☐ Nêu rõ lý do: (Quy định tại Điều 7 Dự thảo Nghị quyết) Trình tự thực hiện thủ tục hành chính đã được quy định đầy đủ, rõ ràng và theo trình tự logic, bao quát toàn bộ các bước từ tiếp nhận hồ sơ, thẩm định, quyết định hỗ trợ đến trả kết quả. Mỗi bước đều xác định cơ quan thực hiện, nội dung công việc và thời gian giải quyết, bảo đảm dễ hiểu, thuận lợi cho doanh nghiệp trong quá trình thực hiện, đồng thời phù hợp với thẩm quyền, chức năng quản lý nhà nước của các cơ quan liên quan.
b) Có được quy định, phân định rõ trách nhiệm và nội dung công việc của cơ quan nhà nước và cá nhân, tổ chức khi thực hiện không?	Có ☐ Không ☐ Nêu rõ lý do: Công dân nộp hồ sơ, cơ quan nhà nước xử lý hồ sơ
c) Có áp dụng cơ chế liên thông không?	Có ☐ Không ☒
d) Có quy định việc kiểm tra, đánh giá, xác minh	Có ☐ Không ☒

thực tế của cơ quan nhà nước không?	- Các biện pháp có thể thay thế: Có ☐ Không ☒
3. Cách thức thực hiện	
a) Nộp hồ sơ:	- Có được quy định rõ ràng, cụ thể không? Có ☐ Không ☐
Trực tiếp ☒ Bru chính ☒ Điện tử ☐ b) Nhận kết quả: Trực tiếp ☒ Bru chính ☒ Điện tử ☒	Nêu rõ lý do: Cách thức thực hiện được quy định rõ ràng, đa dạng các hình thức nhằm phù hợp với điều kiện hoạt động của doanh nghiệp, tính chất và nội dung hồ sơ. - Có được quy định phù hợp và tạo thuận lợi, tiết kiệm chi phí cho cơ quan nhà nước, cá nhân, tổ chức khi thực hiện không? Có ☐ Không ☐ Nêu rõ lý do: Quy định nhiều hình thức thực hiện và nhận kết quả giúp giảm thời gian đi lại, chi phí hành chính cho doanh nghiệp và cơ quan nhà nước; hạn chế tiếp xúc trực tiếp không cần thiết; tăng hiệu quả xử lý hồ sơ, đồng thời bảo đảm tính công khai, minh bạch và thống nhất trong quá trình giải quyết thủ tục hành chính.
4. Thành phần, số lượng hồ sơ	
a) Tên thành phần hồ sơ 1: Giấy đề nghị hỗ trợ chi phí thuê nhân lực công nghiệp công nghệ số chất lượng cao kèm thuyết minh nội dung đề nghị hỗ	- Nêu rõ lý do quy định: Giấy đề nghị làm căn cứ để Sở Khoa học và Công nghệ xem xét - Yêu cầu về hình thức: Mẫu số 01 của Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết Lý do quy định: Để thống nhất và bảo đảm đơn có đủ thông tin cần thiết

trợ đáp ứng nguyên tắc, tiêu chí, điều kiện tại quy định này theo Mẫu số 01 của Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết	
b) Tên thành phần hồ sơ 2: Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư (đối với dự án thuộc diện phải thực hiện các thủ tục này theo quy định của pháp luật về đầu tư);	- Nêu rõ lý do quy định: Để xác định là đây là dự án đầu tư đã được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép hoạt động. - Yêu cầu về hình thức: Bản sao có chứng thực hoặc bản chính. Lý do quy định: Quy định về hình thức hồ sơ nhằm bảo đảm tính chính xác, hợp pháp của thông tin về doanh nghiệp, phục vụ công tác thẩm định, quản lý nhà nước và bảo đảm thống nhất trong quá trình giải quyết thủ tục hành chính..
c) Tên thành phần hồ sơ 3: Hợp đồng lao động giữa doanh nghiệp và nhân lực công nghiệp công nghệ số chất lượng cao làm việc tại dự án dự án nghiên cứu, sản xuất sản phẩm công nghệ số	- Nêu rõ lý do quy định: Để xác định nhân sự đã được ký hợp đồng làm việc lâu dài với doanh nghiệp trên địa bàn thành phố, làm việc cho Dự án. - Yêu cầu về hình thức: Tài liệu là bản sao được chứng thực theo quy định hoặc bản sao do doanh nghiệp cung cấp có đóng dấu giáp lai. Lý do quy định: Quy định về hình thức hồ sơ nhằm bảo đảm tính chính xác, hợp pháp của thông tin về doanh nghiệp, phục vụ công tác thẩm định, quản lý nhà nước và bảo đảm thống nhất trong quá trình giải quyết thủ tục hành chính.

trọng điểm, chip bán dẫn, hệ thống trí tuệ nhân tạo trên địa bàn thành phố Cần Thơ, có đóng bảo hiểm xã hội, có thỏa thuận nội dung công việc liên quan đến dự án	
d) Tên thành phần hồ sơ 4: Văn bản phân công nhiệm vụ làm việc tại dự án	- Nêu rõ lý do quy định: Để xác định nhân sự làm việc tại dự án đề nghị hỗ trợ đủ điều kiện hưởng ưu đãi - Yêu cầu về hình thức: Tài liệu là bản sao được chứng thực theo quy định hoặc bản sao do doanh nghiệp cung cấp có đóng dấu giáp lai. Lý do quy định: Quy định về hình thức hồ sơ nhằm bảo đảm tính hợp pháp, xác thực của thông tin về dự án đầu tư; tạo thuận lợi cho cơ quan nhà nước trong công tác thẩm định, quản lý và giám sát việc thực hiện chính sách hỗ trợ.
đ) Tên thành phần hồ sơ 5: Chứng từ chi trả chi phí thuê nhân lực công nghiệp công nghệ số chất lượng cao của doanh nghiệp	- Nêu rõ lý do quy định: Để xác định nhân sự, mức kinh phí đề nghị hỗ trợ đủ điều kiện hưởng ưu đãi - Yêu cầu về hình thức: Tài liệu là bản sao được chứng thực theo quy định hoặc bản sao do doanh nghiệp cung cấp có đóng dấu giáp lai. Lý do quy định: Quy định về hình thức hồ sơ nhằm bảo đảm tính hợp pháp, xác thực của thông tin về dự án đầu tư; tạo thuận lợi cho cơ quan nhà nước trong công tác thẩm định, quản lý và giám sát việc thực hiện chính sách hỗ trợ.
e) Tên thành phần hồ sơ	- Nêu rõ lý do quy định:

6: Hồ sơ, tài liệu chứng minh đáp ứng tiêu chí quy định tại Điều 6 hoặc Điều 7 hoặc Điều 8 hoặc Điều 10 Nghị định số 353/2025/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Công nghiệp công nghệ số.	- Yêu cầu về hình thức: Tài liệu là bản sao được chứng thực theo quy định hoặc bản sao do doanh nghiệp cung cấp có đóng dấu giáp lai. Lý do quy định: Quy định về hình thức hồ sơ nhằm bảo đảm tính hợp pháp, xác thực của thông tin về dự án đầu tư; tạo thuận lợi cho cơ quan nhà nước trong công tác thẩm định, quản lý và giám sát việc thực hiện chính sách hỗ trợ.
g) Các giấy tờ, tài liệu để chứng minh việc đáp ứng yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính có được quy định rõ ràng, cụ thể ở thành phần hồ sơ của thủ tục hành chính không?	Có ☐ Không ☐
h) Số lượng bộ hồ sơ: 01 bộ	Lý do (nếu quy định từ 02 bộ hồ sơ trở lên):

5. Thời hạn giải quyết	
a) Có được quy định rõ ràng, cụ thể và phù hợp không?	- Có ☐ Không ☐ - Nêu rõ thời hạn giải quyết thủ tục hành chính: 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ. Lý do quy định: Thời hạn giải quyết 20 ngày làm việc được xác định trên cơ sở tính chất, nội dung và mức độ phức tạp của hồ sơ, bảo đảm đủ thời gian để cơ quan có thẩm quyền thực hiện việc thẩm định, lấy ý kiến (nếu có), tổng hợp và quyết định hỗ trợ theo đúng quy định; đồng thời bảo đảm tính minh bạch, khả thi và tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp chủ động trong việc triển khai dự án.
b) Trong trường hợp một thủ tục hành chính do nhiều cơ quan có thẩm quyền giải quyết, đã quy định rõ ràng, đầy đủ thời hạn giải quyết của từng cơ quan và thời hạn chuyển giao hồ sơ giữa các cơ quan?	Có ☐ Không ☐ Lý do quy định: Quy trình giải quyết thủ tục hành chính đã phân định rõ trách nhiệm, thời hạn xử lý hồ sơ của từng cơ quan tham gia và thời hạn chuyển giao hồ sơ giữa các cơ quan, bảo đảm sự phối hợp chặt chẽ, thống nhất trong quá trình giải quyết; tránh chồng chéo, kéo dài thời gian xử lý, đồng thời nâng cao tính minh bạch, trách nhiệm giải trình và hiệu quả quản lý nhà nước.
6. Đối tượng thực hiện	
a) Đối tượng thực hiện:	- Tổ chức: Trong nước ☐ Nước ngoài ☐ Mô tả rõ: Doanh nghiệp được thành lập và hoạt động hợp pháp tại Việt Nam, bao gồm doanh nghiệp trong

	nước và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (FDI), có dự án thuộc đối tượng được hỗ trợ theo quy định và thực hiện dự án trên địa bàn thành phố Cần Thơ. Lý do quy định: Việc cho phép doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tham gia nhằm thu hút nguồn lực đầu tư, công nghệ, kinh nghiệm quản lý tiên tiến; thúc đẩy phát triển công nghiệp công nghệ cao, công nghiệp bán dẫn và thiết bị điện tử, trí tuệ nhân tạo trên địa bàn thành phố, đồng thời phù hợp với chủ trương hội nhập kinh tế quốc tế và các quy định của pháp luật về đầu tư. - Cá nhân: Trong nước ☐ Nước ngoài ☐ Mô tả rõ: Không áp dụng. - Có thể mở rộng/ thu hẹp đối tượng thực hiện không?: Có ☐ Không ☐ Nêu rõ lý do: Đối tượng thực hiện đã được xác định phù hợp với mục tiêu thu hút đầu tư, phát triển ngành công nghiệp ưu tiên của thành phố và khả năng cân đối ngân sách và theo quy định của Luật Công nghiệp Công nghệ số giao cho địa phương.
b) Phạm vi áp dụng:	- Toàn quốc ☐ Vùng ☐ Địa phương ☐ - Nông thôn ☐ Đô thị ☐ Miền núi ☐ - Biên giới, hải đảo ☐ - Lý do quy định: Phạm vi áp dụng được xác định trên địa bàn thành phố Cần Thơ nhằm bảo đảm phù hợp với thẩm quyền ban hành, nguồn lực ngân sách địa phương và mục tiêu thu hút, hỗ trợ phát triển các dự án công nghiệp công nghệ cao, công nghiệp bán dẫn và thiết bị điện tử gắn với định hướng phát triển kinh tế – xã hội

	của thành phố. - Có thể mở rộng/ thu hẹp phạm vi áp dụng không?: Có ☐ Không ☐ Nêu rõ lý do: Phạm vi áp dụng đã được xác định phù hợp với thẩm quyền quản lý, khả năng cân đối ngân sách và mục tiêu chính sách của địa phương.
Dự kiến số lượng đối tượng thực hiện/1 năm: 1-2 doanh nghiệp.	
7. Cơ quan giải quyết	
a) Có được quy định rõ ràng, cụ thể về cơ quan giải quyết thủ tục hành chính không?	Có ☐ Không ☐ Lý do quy định: Để xác định rõ thẩm quyền từng cơ quan.
b) Có thể mở rộng ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện không?	Có ☐ Không ☐ Nêu rõ lý do: Do thủ tục thuộc lĩnh vực khoa học và công nghệ, yêu cầu thẩm định chuyên sâu về kỹ thuật, công nghệ và tiêu chí chuyên ngành; cần được thực hiện tập trung tại cơ quan chuyên môn để bảo đảm tính thống nhất, chính xác và kiểm soát chất lượng, nên không phù hợp để mở rộng ủy quyền hoặc phân cấp.
8. Phí, lệ phí và các chi phí khác (nếu có)	
a) Có quy định về phí, lệ phí và các chi phí khác	- Lệ phí: Không ☐ Có ☐

(nếu có) không?	Nếu Có, nêu rõ lý do: - Phí: Không ☐ Có ☐ Nếu Có, nêu rõ lý do: - Chi phí khác: Không ☐ Có ☐
b) Quy định về cách thức, thời điểm nộp phí, lệ phí và các chi phí khác (nếu có) có hợp lý không?	Có ☐ Không ☐
9. Mẫu đơn, tờ khai	
a) Có quy định về mẫu đơn, tờ khai không?	Có ☐ Không ☐ Lý do: Việc quy định mẫu đơn, tờ khai cụ thể nhằm bảo đảm tính thống nhất, đầy đủ của thông tin trong hồ sơ; giúp tổ chức, doanh nghiệp thuận lợi trong việc kê khai, chuẩn bị hồ sơ; đồng thời tạo điều kiện cho cơ quan nhà nước tiếp nhận, thẩm định và xử lý thủ tục hành chính nhanh chóng, chính xác theo quy định.
b) Tên mẫu đơn, tờ khai 1: Giấy đề nghị hỗ trợ theo mẫu số 02 của Phụ lục	- Nêu rõ những nội dung (nhóm) thông tin cần cung cấp trong mẫu đơn, tờ khai: + Nội dung thông tin 1: Thông tin doanh nghiệp Lý do quy định: Quy định các thông tin doanh nghiệp nhằm xác định rõ chủ thể đề nghị hỗ trợ, bảo đảm đối tượng thụ hưởng là doanh nghiệp hợp pháp, đồng thời tạo cơ sở để cơ quan quản lý thẩm định, đối chiếu hồ sơ, liên hệ và theo dõi, kiểm tra trong quá trình thực hiện chính sách.

	+ Nội dung thông tin 2: Thông tin về dự án Lý do quy định: Để thể hiện rõ thông tin về dự án + Nội dung thông tin 3: Thông tin về danh sách nhân lực đề nghị hỗ trợ Lý do quy định: Để xác định tổng chi phí hỗ trợ + Nội dung thông tin 4: Hồ sơ kèm theo đơn đề nghị hỗ trợ. Lý do quy định: Nhằm bảo đảm hồ sơ được nộp đầy đủ, thống nhất, tạo thuận lợi cho việc tiếp nhận, kiểm tra và thẩm định. - Có quy định việc xác nhận tại đơn, tờ khai không? Có ☐ Không ☐ Nếu Có, nêu rõ nội dung xác nhận, người/cơ quan có thẩm quyền xác nhận: Xác nhận bằng chữ ký, họ tên, chức vụ và đóng dấu của người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp Lý do quy định: Việc xác nhận tại đơn nhằm bảo đảm giá trị pháp lý của hồ sơ, ràng buộc trách nhiệm của doanh nghiệp đối với các thông tin, tài liệu đã kê khai và làm căn cứ cho cơ quan nhà nước xem xét, quyết định hỗ trợ theo quy định.
c) Ngôn ngữ	- Tiếng Việt ☐ Song ngữ ☐ Nêu rõ loại song ngữ:..... Lý do quy định (trong trường hợp mẫu đơn song ngữ):
10. Yêu cầu, điều kiện	
Có quy định yêu cầu, điều kiện không?	Có ☐ Không ☐

	Lý do quy định:
a) Yêu cầu, điều kiện 1:	- Lý do quy định: - Để đáp ứng yêu cầu, điều kiện này, cá nhân, tổ chức cần: + Có kết quả từ một thủ tục hành chính khác: Có ☐ Không ☐ Nếu Có, đề nghị nêu rõ: + Đáp ứng được sự kiểm tra, xác minh, đánh giá của cơ quan nhà nước: Có ☐ Không ☐ + Thực hiện công việc khác (nêu rõ):
11. Kết quả thực hiện	
a) Hình thức của kết quả thực hiện thủ tục hành chính là gì?	- Giấy phép ☐ - Giấy chứng nhận ☐ - Giấy đăng ký ☐ - Chứng chỉ ☐ - Thẻ ☐ - Quyết định hành chính ☐ (Trường hợp Quyết định hỗ trợ). - Văn bản xác nhận/chấp thuận ☐ - Loại khác: ☐ Đề nghị nêu rõ: Văn bản thông báo cho doanh nghiệp kết quả xem xét việc hỗ trợ (trường hợp không thống nhất hỗ trợ).

	Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Bản giấy ☐ Bản điện tử ☐
b) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính có được mẫu hóa phù hợp không?	Có ☐ Không ☐ Lý do: Nội dung văn bản kết quả giải quyết thủ tục hành chính phụ thuộc vào từng dự án cụ thể (loại hình, quy mô đầu tư, mức hỗ trợ, thời gian thực hiện, nguồn vốn), do đó cần được trình bày linh hoạt để đảm bảo phù hợp thực tiễn và tính pháp lý.
c) Quy định về thời hạn có giá trị hiệu lực của kết quả thực hiện thủ tục hành chính có hợp lý không (nếu có)?	Có ☐ Không ☒ - Nếu Có, nêu thời hạn cụ thể tháng/ năm. - Nếu Không, nêu rõ lý do: Kết quả thực hiện thủ tục hành chính là quyết định hỗ trợ gắn với dự án cụ thể và các nội dung, tiến độ đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; hiệu lực của kết quả này phụ thuộc vào việc thực hiện dự án, việc giải ngân và sử dụng kinh phí hỗ trợ theo từng giai đoạn, do đó không phù hợp để quy định một thời hạn hiệu lực cố định theo tháng hoặc năm. Việc không quy định thời hạn hiệu lực cụ thể bảo đảm tính linh hoạt, phù hợp với đặc thù của dự án và công tác quản lý, giám sát việc sử dụng ngân sách nhà nước.
d) Quy định về phạm vi có hiệu lực của kết quả thực hiện thủ tục hành chính có hợp lý không (nếu có)?	Toàn quốc ☐ Địa phương ☐ Lý do: Kết quả thực hiện thủ tục hành chính là quyết định hỗ trợ từ ngân sách địa phương, gắn với dự án cụ thể được triển khai trên địa bàn thành phố Cần Thơ và thuộc thẩm quyền quản lý của cơ quan nhà nước địa phương; do đó việc quy định phạm vi có hiệu lực ở cấp địa phương là phù hợp, bảo đảm đúng thẩm quyền, mục tiêu chính sách và điều kiện cân đối ngân sách.
IV. THÔNG TIN LIÊN HỆ	

Họ và tên người điền: Đồng Văn Mun

Điện thoại cố định:; Di động: 0907743870; E-mail: mundvhg@gmail.com.

THỦ TỤC HÀNH CHÍNH 2: Hỗ trợ một phần chi phí đào tạo, đào tạo lại, bồi dưỡng nâng cao chất lượng nguồn nhân lực của doanh nghiệp cho các dự án nghiên cứu, sản xuất sản phẩm công nghệ số trọng điểm, chip bán dẫn, hệ thống trí tuệ nhân tạo

I. SỰ CẦN THIẾT CỦA QUY ĐỊNH VỀ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TẠI DỰ THẢO VĂN BẢN

1. Nội dung cụ thể trong ngành, lĩnh vực mà Nhà nước cần quản lý hoặc các biện pháp phát triển kinh tế - xã hội, ngân sách, quốc phòng, an ninh?

a) Nội dung cụ thể trong ngành, lĩnh vực mà Nhà nước cần quản lý hoặc nội dung cụ thể của các biện pháp để thực hiện chính sách phát triển kinh tế - xã hội, ngân sách, quốc phòng, an ninh trên phạm vi toàn quốc hoặc các biện pháp để thực hiện chính sách phát triển kinh tế - xã hội, ngân sách, quốc phòng, an ninh trên phạm vi toàn quốc hoặc các biện pháp để thực hiện chính sách phát triển kinh tế - xã hội, ngân sách, quốc phòng, an ninh ở địa phương hoặc các biện pháp nhằm phát triển kinh tế - xã hội, ngân sách, quốc phòng, an ninh ở địa phương hoặc các biện pháp khác có tính chất đặc thù phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương hoặc các biện pháp để thực hiện thí điểm một số chính sách mới thuộc thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 10, điểm c khoản 2 Điều 14, điểm d khoản 1 Điều 21 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 (được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15):

Hỗ trợ một phần chi phí đào tạo, đào tạo lại, bồi dưỡng nâng cao chất lượng nguồn nhân lực của doanh nghiệp làm việc tại các dự án nghiên cứu, sản xuất sản phẩm công nghệ số trọng điểm, chip bán dẫn, hệ thống trí tuệ nhân tạo trên địa bàn thành phố Cần Thơ

b) Nêu rõ lý do Nhà nước cần quy định:

	Do đó HĐND thành phố bổ sung TTHC để quy định trình tự, thủ tục đối với nội dung này.
2. Nội dung quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp cụ thể của cá nhân, tổ chức cần được bảo đảm?	a) Nội dung quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp cụ thể của cá nhân, tổ chức cần được bảo đảm: Chi phí chi cho nhân lực công nghiệp công nghệ số đạt điều kiện quy định của Nghị quyết được bảo đảm. b) Nêu rõ lý do Nhà nước cần quy định: Cần quy định TTHC để chuyên gia nắm rõ quy trình, thủ tục, thời gian thực hiện để hưởng quyền lợi.
3. Lý do lựa chọn biện pháp quy định thủ tục hành chính?	a) Lý do quy định thủ tục hành chính: Quy định TTHC để đối tượng thụ hưởng biết rõ thành phần hồ sơ cần nộp và nơi nộp hồ sơ. b) Nêu rõ điều, khoản quy định thủ tục hành chính tại dự thảo văn bản: Quy định tại Điều 8 của Quy định.
4. Có biện pháp nào khác có thể sử dụng mà không phải bằng quy định thủ tục hành chính không?	Có ☐ Không ☐ Nếu Không, nêu rõ lý do: Quy định của Luật công nghiệp công nghệ số quy định HĐND cấp tỉnh ban hành.
II. ĐÁNH GIÁ TÍNH HỢP HIẾN, HỢP PHÁP CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	
1. Có phù hợp với Hiến pháp không?	Có ☐ Không ☐ Nêu rõ lý do: Được Luật Công nghiệp công nghệ số 71/2025/QH15 giao quy định (điểm b khoản 5 Điều 18).
2. Có mâu thuẫn, chồng chéo hoặc không phù	- Với văn bản của cơ quan nhà nước cấp trên: Có ☐ Không ☒

hợp, thống nhất với quy định tại các văn bản khác, điều ước quốc tế có liên quan mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên không?	
	- Với văn bản của cơ quan khác: Có ☐ Không ☒ - Với điều ước quốc tế có liên quan mà nước CHXHCN Việt Nam là thành viên: Có ☐ Không ☒

III. ĐÁNH GIÁ TÍNH HỢP LÝ CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

1. Tên thủ tục hành chính

Có được quy định rõ ràng, cụ thể và phù hợp không?	Có ☒ Không ☐ Nêu rõ lý do: Việc quy định như trên bảo đảm tính minh bạch, dễ hiểu, thuận lợi cho doanh nghiệp trong quá trình thực hiện, đồng thời phù hợp với yêu cầu quản lý, định hướng phát triển công nghiệp công nghệ cao và chuyển đổi số của địa phương.
--	--

2. Trình tự thực hiện

a) Có được quy định rõ ràng và cụ thể về các bước thực hiện không?	Có ☐ Không ☐ Nêu rõ lý do: (Quy định tại Điều 7 Dự thảo Nghị quyết) Trình tự thực hiện thủ tục hành chính đã được quy
--	--

	định đầy đủ, rõ ràng và theo trình tự logic, bao quát toàn bộ các bước từ tiếp nhận hồ sơ, thẩm định, quyết định hỗ trợ đến trả kết quả. Mỗi bước đều xác định cơ quan thực hiện, nội dung công việc và thời gian giải quyết, bảo đảm dễ hiểu, thuận lợi cho doanh nghiệp trong quá trình thực hiện, đồng thời phù hợp với thẩm quyền, chức năng quản lý nhà nước của các cơ quan liên quan.
b) Có được quy định, phân định rõ trách nhiệm và nội dung công việc của cơ quan nhà nước và cá nhân, tổ chức khi thực hiện không?	Có ☐ Không ☐ Nêu rõ lý do: Công dân nộp hồ sơ, cơ quan nhà nước xử lý hồ sơ.
c) Có áp dụng cơ chế liên thông không?	Có ☐ Không ☒ Nêu rõ lý do:
d) Có quy định việc kiểm tra, đánh giá, xác minh thực tế của cơ quan nhà nước không?	Có ☐ Không ☒ - Các biện pháp có thể thay thế: Có ☐ Không ☒
3. Cách thức thực hiện	
a) Nộp hồ sơ:	- Có được quy định rõ ràng, cụ thể không? Có ☐ Không ☐
Trực tiếp ☒	Nêu rõ lý do: Cách thức thực hiện được quy định rõ ràng, đa dạng các hình thức nhằm phù hợp với điều kiện

Bưu chính ☒ Điện tử ☐ b) Nhận kết quả: Trực tiếp ☒ Bưu chính ☒ Điện tử ☒	hoạt động của doanh nghiệp, tính chất và nội dung hồ sơ. - Có được quy định phù hợp và tạo thuận lợi, tiết kiệm chi phí cho cơ quan nhà nước, cá nhân, tổ chức khi thực hiện không? Có ☐ Không ☐ Nêu rõ lý do: Quy định nhiều hình thức thực hiện và nhận kết quả giúp giảm thời gian đi lại, chi phí hành chính cho doanh nghiệp và cơ quan nhà nước; hạn chế tiếp xúc trực tiếp không cần thiết; tăng hiệu quả xử lý hồ sơ, đồng thời bảo đảm tính công khai, minh bạch và thống nhất trong quá trình giải quyết thủ tục hành chính.
4. Thành phần, số lượng hồ sơ	
a) Tên thành phần hồ sơ 1: Giấy đề nghị hỗ trợ chi phí đào tạo, đào tạo lại, bồi dưỡng nâng cao chất lượng nguồn nhân lực của doanh nghiệp kèm thuyết minh nội dung đề nghị hỗ trợ đáp ứng nguyên tắc, tiêu chí, điều kiện tại quy định này theo Mẫu số 02 của Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết	- Nêu rõ lý do quy định: Giấy đề nghị làm căn cứ để Sở Khoa học và Công nghệ xem xét - Yêu cầu về hình thức: Mẫu số 02 của Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết Lý do quy định: Để thống nhất và bảo đảm đơn có đủ thông tin cần thiết
b) Tên thành phần hồ sơ	- Nêu rõ lý do quy định: Để xác định là đây là dự án đầu tư đã được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép hoạt

2: Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư (đối với dự án thuộc diện phải thực hiện các thủ tục này theo quy định của pháp luật về đầu tư)	động. - Yêu cầu về hình thức: Bản sao có chứng thực hoặc bản chính. Lý do quy định: Quy định về hình thức hồ sơ nhằm bảo đảm tính chính xác, hợp pháp của thông tin về doanh nghiệp, phục vụ công tác thẩm định, quản lý nhà nước và bảo đảm thống nhất trong quá trình giải quyết thủ tục hành chính.
c) Tên thành phần hồ sơ 3: Hợp đồng lao động giữa doanh nghiệp và nhân lực công nghiệp công nghệ số làm việc tại dự án dự án nghiên cứu, sản xuất sản phẩm công nghệ số trọng điểm, chip bán dẫn, hệ thống trí tuệ nhân tạo trên địa bàn thành phố Cần Thơ, có đóng bảo hiểm xã hội, có thỏa thuận nội dung công việc liên quan đến dự án	- Nêu rõ lý do quy định: Để xác định nhân sự đã được ký hợp đồng làm việc lâu dài với doanh nghiệp trên địa bàn thành phố, làm việc cho Dự án. - Yêu cầu về hình thức: Tài liệu là bản sao được chứng thực theo quy định hoặc bản sao do doanh nghiệp cung cấp có đóng dấu giáp lai. Lý do quy định: Quy định về hình thức hồ sơ nhằm bảo đảm tính chính xác, hợp pháp của thông tin về doanh nghiệp, phục vụ công tác thẩm định, quản lý nhà nước và bảo đảm thống nhất trong quá trình giải quyết thủ tục hành chính.

d) Tên thành phần hồ sơ 4: Văn bản phân công nhiệm vụ làm việc tại dự án	- Nêu rõ lý do quy định: Để xác định nhân sự làm việc tại dự án đề nghị hỗ trợ đủ điều kiện hưởng ưu đãi - Yêu cầu về hình thức: Tài liệu là bản sao được chứng thực theo quy định hoặc bản sao do doanh nghiệp cung cấp có đóng dấu giáp lai. Lý do quy định: Quy định về hình thức hồ sơ nhằm bảo đảm tính hợp pháp, xác thực của thông tin về dự án đầu tư; tạo thuận lợi cho cơ quan nhà nước trong công tác thẩm định, quản lý và giám sát việc thực hiện chính sách hỗ trợ.
đ) Tên thành phần hồ sơ 5: Văn bản chứng minh việc cử người lao động đi đào tạo, đào tạo lại, bồi dưỡng.	- Nêu rõ lý do quy định: Nhằm bảo đảm có căn cứ chứng minh việc doanh nghiệp tổ chức cử người lao động đi đào tạo, đào tạo lại, bồi dưỡng theo đúng nội dung đăng ký; qua đó phục vụ công tác kiểm tra, đối chiếu, thẩm định và xác định mức độ đáp ứng các điều kiện, tiêu chí để xem xét áp dụng chính sách theo quy định của pháp luật. - Yêu cầu về hình thức: Tài liệu là bản sao được chứng thực theo quy định hoặc bản sao do doanh nghiệp cung cấp có đóng dấu giáp lai. Lý do quy định: Quy định về hình thức hồ sơ nhằm bảo đảm tính hợp pháp, xác thực của thông tin về dự án đầu tư; tạo thuận lợi cho cơ quan nhà nước trong công tác thẩm định, quản lý và giám sát việc thực hiện chính sách hỗ trợ.
e) Tên thành phần hồ sơ 6: Văn bằng, chứng chỉ đào tạo, đào tạo lại, bồi dưỡng	- Nêu rõ lý do quy định: Nhằm chứng minh kết quả đào tạo, đào tạo lại, bồi dưỡng của người lao động; làm căn cứ để cơ quan có thẩm quyền kiểm tra, đối chiếu, thẩm định việc đáp ứng các tiêu chí, điều kiện theo quy định. - Yêu cầu về hình thức: Tài liệu là bản sao được chứng thực theo quy định hoặc bản sao do doanh nghiệp cung cấp có đóng dấu giáp lai.

	cấp có đóng dấu giáp lai. Lý do quy định: Quy định về hình thức hồ sơ nhằm bảo đảm tính hợp pháp, xác thực của thông tin về dự án đầu tư; tạo thuận lợi cho cơ quan nhà nước trong công tác thẩm định, quản lý và giám sát việc thực hiện chính sách hỗ trợ.
g) Tên thành phần hồ sơ 7: Hóa đơn chứng từ nộp học phí cho cơ sở đào tạo (Chi dịch vụ đào tạo, bồi dưỡng và các khoản chi phí bắt buộc phải trả cho các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng hoặc cơ sở dịch vụ ở nước ngoài).	- Nêu rõ lý do quy định: Nhằm bảo đảm có căn cứ xác thực về các khoản chi phí đào tạo, bồi dưỡng mà doanh nghiệp đã thanh toán (bao gồm học phí và các khoản chi phí bắt buộc liên quan) cho các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng trong và ngoài nước; qua đó phục vụ công tác kiểm tra, đối chiếu, thẩm định tính hợp pháp, hợp lệ của chứng từ và xác định mức độ đáp ứng điều kiện để xem xét áp dụng chính sách hỗ trợ theo quy định của pháp luật. - Yêu cầu về hình thức: Tài liệu là bản sao được chứng thực theo quy định hoặc bản sao do doanh nghiệp cung cấp có đóng dấu giáp lai. Lý do quy định: Quy định về hình thức hồ sơ nhằm bảo đảm tính hợp pháp, xác thực của thông tin về dự án đầu tư; tạo thuận lợi cho cơ quan nhà nước trong công tác thẩm định, quản lý và giám sát việc thực hiện chính sách hỗ trợ.
h) Các giấy tờ, tài liệu để chứng minh việc đáp ứng yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính có được quy định rõ ràng, cụ thể ở thành phần hồ sơ của thủ tục hành chính	Có ☐ Không ☐

không?	
i) Số lượng bộ hồ sơ: 01 bộ	Lý do (nếu quy định từ 02 bộ hồ sơ trở lên):
5. Thời hạn giải quyết	
a) Có được quy định rõ ràng, cụ thể và phù hợp không?	- Có ☐ Không ☐ - Nêu rõ thời hạn giải quyết thủ tục hành chính: 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ. Lý do quy định: Thời hạn giải quyết 20 ngày làm việc được xác định trên cơ sở tính chất, nội dung và mức độ phức tạp của hồ sơ, bảo đảm đủ thời gian để cơ quan có thẩm quyền thực hiện việc thẩm định, lấy ý kiến (nếu có), tổng hợp và quyết định hỗ trợ theo đúng quy định; đồng thời bảo đảm tính minh bạch, khả thi và tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp chủ động trong việc triển khai dự án.
b) Trong trường hợp một thủ tục hành chính do nhiều cơ quan có thẩm quyền giải quyết, đã quy định rõ ràng, đầy đủ thời hạn giải quyết của từng cơ quan và thời hạn chuyển giao hồ sơ giữa các cơ quan?	Có ☐ Không ☐ Lý do quy định: Quy trình giải quyết thủ tục hành chính đã phân định rõ trách nhiệm, thời hạn xử lý hồ sơ của từng cơ quan tham gia và thời hạn chuyển giao hồ sơ giữa các cơ quan, bảo đảm sự phối hợp chặt chẽ, thống nhất trong quá trình giải quyết; tránh chồng chéo, kéo dài thời gian xử lý, đồng thời nâng cao tính minh bạch, trách nhiệm giải trình và hiệu quả quản lý nhà nước.

6. Đối tượng thực hiện	
a) Đối tượng thực hiện:	- Tổ chức: Trong nước ☐ Nước ngoài ☐ Mô tả rõ: Doanh nghiệp được thành lập và hoạt động hợp pháp tại Việt Nam, bao gồm doanh nghiệp trong nước và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (FDI), có dự án thuộc đối tượng được hỗ trợ theo quy định và thực hiện dự án trên địa bàn thành phố Cần Thơ. Lý do quy định: Việc cho phép doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tham gia nhằm thu hút nguồn lực đầu tư, công nghệ, kinh nghiệm quản lý tiên tiến; thúc đẩy phát triển công nghiệp công nghệ cao, công nghiệp bán dẫn và thiết bị điện tử, trí tuệ nhân tạo trên địa bàn thành phố, đồng thời phù hợp với chủ trương hội nhập kinh tế quốc tế và các quy định của pháp luật về đầu tư. - Cá nhân: Trong nước ☐ Nước ngoài ☐ Mô tả rõ: Không áp dụng. - Có thể mở rộng/ thu hẹp đối tượng thực hiện không?: Có ☐ Không ☐ Nêu rõ lý do: Đối tượng thực hiện đã được xác định phù hợp với mục tiêu thu hút đầu tư, phát triển ngành công nghiệp ưu tiên của thành phố và khả năng cân đối ngân sách và theo quy định của Luật Công nghiệp Công nghệ số giao cho địa phương.
b) Phạm vi áp dụng:	- Toàn quốc ☐ Vùng ☐ Địa phương ☐ - Nông thôn ☐ Đô thị ☐ Miền núi ☐

	- Biên giới, hải đảo ☐ - Lý do quy định: Phạm vi áp dụng được xác định trên địa bàn thành phố Cần Thơ nhằm bảo đảm phù hợp với thẩm quyền ban hành, nguồn lực ngân sách địa phương và mục tiêu thu hút, hỗ trợ phát triển các dự án công nghiệp công nghệ cao, công nghiệp bán dẫn và thiết bị điện tử gắn với định hướng phát triển kinh tế – xã hội của thành phố. - Có thể mở rộng/ thu hẹp phạm vi áp dụng không?: Có ☐ Không ☐ Nêu rõ lý do: Phạm vi áp dụng đã được xác định phù hợp với thẩm quyền quản lý, khả năng cân đối ngân sách và mục tiêu chính sách của địa phương.
Dự kiến số lượng đối tượng thực hiện/1 năm: 1-2 doanh nghiệp.	
7. Cơ quan giải quyết	
a) Có được quy định rõ ràng, cụ thể về cơ quan giải quyết thủ tục hành chính không?	Có ☐ Không ☐ Lý do quy định: Để xác định rõ thẩm quyền từng cơ quan.
b) Có thể mở rộng ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện không?	Có ☐ Không ☐ Nêu rõ lý do: Do thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền quản lý nhà nước của cơ quan chuyên môn và liên quan đến việc quyết định hỗ trợ từ ngân sách nhà nước với giá trị, chi phí hỗ trợ lớn, nên cần được thực hiện tập trung, thống nhất để bảo đảm kiểm soát chặt chẽ, đúng quy định pháp luật và hạn chế rủi ro trong quá trình

	triển khai.
8. Phí, lệ phí và các chi phí khác (nếu có)	
a) Có quy định về phí, lệ phí và các chi phí khác (nếu có) không?	- Lệ phí: Không ☐ Có ☐ - Phí: Không ☐ Có ☐ - Chi phí khác: Không ☐ Có ☐
b) Quy định về cách thức, thời điểm nộp phí, lệ phí và các chi phí khác (nếu có) có hợp lý không?	Có ☐ Không ☐
9. Mẫu đơn, tờ khai	
a) Có quy định về mẫu đơn, tờ khai không?	Có ☐ Không ☐ Lý do: Việc quy định mẫu đơn, tờ khai cụ thể nhằm bảo đảm tính thống nhất, đầy đủ của thông tin trong hồ sơ; giúp tổ chức, doanh nghiệp thuận lợi trong việc kê khai, chuẩn bị hồ sơ; đồng thời tạo điều kiện cho cơ quan nhà nước tiếp nhận, thẩm định và xử lý thủ tục hành chính nhanh chóng, chính xác theo quy định.
b) Tên mẫu đơn, tờ khai 1: Giấy đề nghị hỗ trợ theo mẫu số 01 của Phụ	+ Nội dung thông tin 1: Thông tin doanh nghiệp Lý do quy định: Quy định các thông tin doanh nghiệp nhằm xác định rõ chủ thể đề nghị hỗ trợ, bảo đảm đối

lục	tượng thụ hưởng là doanh nghiệp hợp pháp, đồng thời tạo cơ sở để cơ quan quản lý thẩm định, đối chiếu hồ sơ, liên hệ và theo dõi, kiểm tra trong quá trình thực hiện chính sách. + Nội dung thông tin 2: Thông tin về dự án Lý do quy định: Để thể hiện rõ thông tin về dự án + Nội dung thông tin 3: Thông tin về danh sách nhân lực đề nghị hỗ trợ Lý do quy định: Để xác định tổng chi phí hỗ trợ + Nội dung thông tin 4: Hồ sơ kèm theo đơn đề nghị hỗ trợ. Lý do quy định: Nhằm bảo đảm hồ sơ được nộp đầy đủ, thống nhất, tạo thuận lợi cho việc tiếp nhận, kiểm tra và thẩm định. - Có quy định việc xác nhận tại đơn, tờ khai không? Có ☐ Không ☐ Nếu Có, nêu rõ nội dung xác nhận, người/cơ quan có thẩm quyền xác nhận: Xác nhận bằng chữ ký, họ tên, chức vụ và đóng dấu của người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp Lý do quy định: Việc xác nhận tại đơn nhằm bảo đảm giá trị pháp lý của hồ sơ, ràng buộc trách nhiệm của doanh nghiệp đối với các thông tin, tài liệu đã kê khai và làm căn cứ cho cơ quan nhà nước xem xét, quyết định hỗ trợ theo quy định.
c) Ngôn ngữ	- Tiếng Việt ☐ Song ngữ ☐ Nêu rõ loại song ngữ:..... Lý do quy định (trong trường hợp mẫu đơn song ngữ):
10. Yêu cầu, điều kiện	

Có quy định yêu cầu, điều kiện không?	Có ☐ Không ☐ Lý do quy định:
a) Yêu cầu, điều kiện 1:	- Lý do quy định: - Để đáp ứng yêu cầu, điều kiện này, cá nhân, tổ chức cần: + Có kết quả từ một thủ tục hành chính khác: Có ☐ Không ☐ Nếu Có, đề nghị nêu rõ: + Đáp ứng được sự kiểm tra, xác minh, đánh giá của cơ quan nhà nước: Có ☐ Không ☐ + Thực hiện công việc khác (nêu rõ):
11. Kết quả thực hiện	
a) Hình thức của kết quả thực hiện thủ tục hành chính là gì?	- Giấy phép ☐ - Giấy chứng nhận ☐ - Giấy đăng ký ☐ - Chứng chỉ ☐ - Thẻ ☐ - Quyết định hành chính ☐ (Trường hợp Quyết định hỗ trợ). - Văn bản xác nhận/chấp thuận ☐ - Loại khác: ☐ Đề nghị nêu rõ: Văn bản thông báo cho doanh nghiệp kết quả xem xét việc hỗ trợ (trường hợp

	không thống nhất hỗ trợ). Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Bản giấy ☐ Bản điện tử ☐
b) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính có được mẫu hóa phù hợp không?	Có ☐ Không ☐ Lý do: Nội dung văn bản kết quả giải quyết thủ tục hành chính phụ thuộc vào từng dự án cụ thể (loại hình, quy mô đầu tư, mức hỗ trợ, thời gian thực hiện, nguồn vốn), do đó cần được trình bày linh hoạt để đảm bảo phù hợp thực tiễn và tính pháp lý.
c) Quy định về thời hạn có giá trị hiệu lực của kết quả thực hiện thủ tục hành chính có hợp lý không (nếu có)?	Có ☐ Không ☒ - Nếu Có, nêu thời hạn cụ thể tháng/ năm. - Nếu Không, nêu rõ lý do: Kết quả thực hiện thủ tục hành chính là quyết định hỗ trợ gắn với dự án cụ thể và các nội dung, tiến độ đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; hiệu lực của kết quả này phụ thuộc vào việc thực hiện dự án, việc giải ngân và sử dụng kinh phí hỗ trợ theo từng giai đoạn, do đó không phù hợp để quy định một thời hạn hiệu lực cố định theo tháng hoặc năm. Việc không quy định thời hạn hiệu lực cụ thể bảo đảm tính linh hoạt, phù hợp với đặc thù của dự án và công tác quản lý, giám sát việc sử dụng ngân sách nhà nước.
d) Quy định về phạm vi có hiệu lực của kết quả thực hiện thủ tục hành chính có hợp lý không (nếu có)?	Toàn quốc ☐ Địa phương ☐ Lý do: Kết quả thực hiện thủ tục hành chính là quyết định hỗ trợ từ ngân sách địa phương, gắn với dự án cụ thể được triển khai trên địa bàn thành phố Cần Thơ và thuộc thẩm quyền quản lý của cơ quan nhà nước địa phương; do đó việc quy định phạm vi có hiệu lực ở cấp địa phương là phù hợp, bảo đảm đúng thẩm quyền, mục tiêu chính sách và điều kiện cân đối ngân sách.

IV. THÔNG TIN LIÊN HỆ

Họ và tên người điền: Đồng Văn Mun

Điện thoại cố định:; Di động: 0907743870; E-mail: mundvhg@gmal.com.

1. TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH 1: Hỗ trợ một phần chi phí thuê nhân lực công nghiệp công nghệ số chất lượng cao cho các dự án nghiên cứu, sản xuất sản phẩm công nghệ số trọng điểm, chip bán dẫn, hệ thống trí tuệ nhân tạo

CHI PHÍ TUÂN THỦ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH HIỆN TẠI HOẶC DỰ KIẾN BAN HÀNH MỚI

[illegible]

STT	Các công việc khi thực hiện TTHC	Các hoạt động/ cách thức thực hiện cụ thể	Thời gian thực hiện (giờ)	Mức TNBQ/ 01 giờ làm việc (đồng)	Mức chi phí thuê tư vấn, dịch vụ (đồng)	Mức phí, lệ phí, chi phí khác (đồng)	Số lần thực hiện/ 01 năm	Số lượng đối tượng tuân thủ/01 năm	Chi phí thực hiện TTHC (đồng)	Tổng chi phí thực hiện TTHC/ 01 năm (đồng)	Ghi chú
1.1	Giấy đề nghị hỗ trợ	Viết tay hoặc đánh máy các nội dung thông tin theo mẫu đơn (in mẫu đơn)	4	53.784		1	1	215.136	215.136		1
1.2	Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư	Trích lục hồ sơ, sao y, photo, sắp xếp hồ sơ	0,5	53.784		1	1	26.892	26.892		1
1.3	Hợp đồng lao động	Trích lục hồ sơ, sao y, photo, sắp xếp hồ sơ	2	53.784		1	1	107.568	107.568		1
1.4	Văn bản phân công nhiệm vụ làm việc tại dự án	Trích lục hồ sơ, sao y, photo, sắp xếp hồ sơ	1	53.784		1	1	53.784	53.784		1

STT	Các công việc khi thực hiện TTHC	Các hoạt động/ cách thức thực hiện cụ thể	Thời gian thực hiện (giờ)	Mức TNBQ/ 01 giờ làm việc (đồng)	Mức chi phí thuê tư vấn, dịch vụ (đồng)	Mức phí, lệ phí, chi phí khác (đồng)	Số lần thực hiện/ 01 năm	Số lượng đối tượng tuân thủ/01 năm	Chi phí thực hiện TTHC (đồng)	Tổng chi phí thực hiện TTHC/ 01 năm (đồng)	Ghi chú
1.5	Chứng từ chi trả chi phí thuê nhân lực công nghệ số chất lượng cao của doanh nghiệp	Trích lục hồ sơ, sao y, photo, sắp xếp hồ sơ	2	53.784		1	1	107.568	107.568		1
1.6	Hồ sơ, tài liệu chứng minh đáp ứng tiêu chí nhân lực công nghệ số chất lượng cao	Trích lục hồ sơ, sao y, photo, sắp xếp hồ sơ	4	53.784		1	1	215.136	215.136		1
2	Nộp hồ sơ	Trực tiếp hoặc Bưu chính	4	53.784		1	1	215.136	215.136		1
3	Nhận kết quả	Điện tử (hoặc trực tiếp, bưu chính)	1	53.784		1	1	53.784	53.784		1

STT	Các công việc khi thực hiện TTHC	Các hoạt động/ cách thức thực hiện cụ thể	Thời gian thực hiện (giờ)	Mức TNBQ/ 01 giờ làm việc (đồng)	Mức chi phí thuê tư vấn, dịch vụ (đồng)	Mức phí, lệ phí, chi phí khác (đồng)	Số lần thực hiện/ 01 năm	Số lượng đối tượng tuân thủ/01 năm	Chi phí thực hiện TTHC (đồng)	Tổng chi phí thực hiện TTHC/ 01 năm (đồng)	Ghi chú
1.1	Giấy đề nghị hỗ trợ	Viết tay hoặc đánh máy các nội dung thông tin theo mẫu đơn (in mẫu đơn)	4	53.784		1	1	215.136	215.136		1
1.2	Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư	Trích lục hồ sơ, sao y, photo, sắp xếp hồ sơ	0,5	53.784		1	1	26.892	26.892		1
1.3	Hợp đồng lao động	Trích lục hồ sơ, sao y, photo, sắp xếp hồ sơ	2	53.784		1	1	107.568	107.568		1
1.4	Văn bản phân công nhiệm vụ làm việc tại dự	Trích lục hồ sơ, sao y, photo,	1	53.784		1	1	53.784	53.784		1

STT	Các công việc khi thực hiện TTHC	Các hoạt động/ cách thức thực hiện cụ thể	Thời gian thực hiện (giờ)	Mức TNBQ/ 01 giờ làm việc (đồng)	Mức chi phí thuê tư vấn, dịch vụ (đồng)	Mức phí, lệ phí, chi phí khác (đồng)	Số lần thực hiện/ 01 năm	Số lượng đối tượng tuân thủ/01 năm	Chi phí thực hiện TTHC (đồng)	Tổng chi phí thực hiện TTHC/ 01 năm (đồng)	Ghi chú
	án	sắp xếp hồ sơ									
1.5	Văn bản chứng minh việc cử người lao động đi đào tạo, đào tạo lại, bồi dưỡng	Trích lục hồ sơ, sao y, photo, sắp xếp hồ sơ	1	53.784		1	1	53.784	53.784		1
1.6	Văn bằng, chứng chỉ đào tạo, đào tạo lại, bồi dưỡng	Trích lục hồ sơ, sao y, photo, sắp xếp hồ sơ	1	53.784		1	1	53.784	53.784		1
1.7	Hóa đơn chứng từ nộp học phí cho cơ sở đào tạo	Trích lục hồ sơ, sao y, photo, sắp xếp hồ sơ	2	53.784		1	1	107.568	107.568		1
2	Nộp hồ sơ	Trực tiếp hoặc Bưu chính	4	53.784		1	1	215.136	215.136		1

